

## PHÂN TÍCH GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO TRONG ĐOẠN TRÍCH NỖI THƯƠNG MÌNH CỦA NGUYỄN DU

### 1. Dàn ý phân tích giá trị nhân đạo trong Nỗi thương mình của Nguyễn Du

#### a. Mở bài:

- Giới thiệu vài nét về Nguyễn Du và Truyện Kiều.
- Giá trị nhân đạo của tác phẩm thể hiện rõ nét qua đoạn trích Nỗi thương mình.

#### b. Thân bài:

- Giới thiệu khái quát:
  - + Vài nét về nguồn gốc ra đời Truyện Kiều, tài năng, tư tưởng nhân đạo của Nguyễn Du.
  - + Tóm tắt ngắn gọn Truyện Kiều.
  - + Nêu xuất xứ, vị trí đoạn trích.
- Khẳng định: giá trị nhân đạo trong đoạn trích thể hiện ở các khía cạnh:
  - + Tái hiện cuộc sống, cảnh ngộ bi kịch, bất hạnh của Thúy Kiều.
  - + Khắc họa sâu sắc tâm trạng dằn vặt, đau khổ về tinh thần của Thúy Kiều.
  - + Thái độ xót thương và trân trọng, sẻ chia của Nguyễn Du với Thúy Kiều nói riêng và người phụ nữ thời phong kiến nói chung.
- Phân tích hai đoạn trích để làm rõ giá trị nhân đạo: Có hai cách: phân tích theo 3 luận điểm nêu trên hoặc phân tích lần lượt hai đoạn trích rồi khái quát lại 3 khía cạnh trên.
- Nhận xét vài nét về nghệ thuật (góp phần đặc lực vào thể hiện tư tưởng nhân đạo). Mở rộng quan điểm xót thương người phụ nữ của Nguyễn Du qua một số tác phẩm khác của ông.

#### c. Kết bài:

- Đoạn trích đã tái hiện những giai đoạn đầy đau khổ trong cả cuộc đời dang dở những khổ đau của Thúy Kiều.
- Qua hai đoạn trích, Nguyễn Du đã lên tiếng bênh vực quyền sống chính đáng của người phụ nữ và gián tiếp phê phán xã hội đầy ải họ gặp phải những oan khiên, bất hạnh.
- Cảm nhận riêng của mỗi người

### 2. Bài văn cảm nhận giá trị nhân đạo trong Nỗi thương mình - Bài văn mẫu số 1

“Truyện Kiều” là một bức tranh hiện thực xã hội phong kiến suy tàn không cưỡng lại được của bánh xe lịch sử. Kéo theo đó là sự tha hóa của bản chất con người, đồng tiền trở thành thế lực vạn năng đẩy con người lương thiện vào bức đường cùng. Gia đình Vương viên ngoại cũng không tránh khỏi tai vạ. Gia đình Kiều bị vu oan, phận làm con nên Kiều đã phải bán mình và đã phải chịu 15 năm lưu lạc. Trong 15 năm ấy, Kiều gặp phải bao sự lọc lừa nhưng lần Thúy Kiều bị lừa đau đớn nhất có lẽ là lần nàng bị Mã Giám Sinh lừa bán đến lầu xanh. Những ngày Thúy Kiều ở chốn lầu xanh là những ngày nàng vô cùng buồn tủi, tâm trạng rối bời như tơ vò nghĩ về thân phận, sự tủi nhục của kiếp hồng nhan. Đoạn trích là lời độc thoại nội tâm đầy đau đớn. Đó cũng là thời điểm mở đầu cho những chuỗi tâm sự nối kết, ngổn ngang. Kiều nghĩ đến thân phận mình để rồi “mình lại thương mình xót xa” Kiều

xót xa cho chính bản thân mình. Với nàng, hiện tại như một giấc mơ cay đắng khi nàng sánh với quá khứ.

Mở đầu đoạn trích đó là khung cảnh chốn lầu xanh ong bướm trụy lạc, hình ảnh “bướm lá ong lời” gợi ra viễn cảnh vô cùng dung tục, ví kỹ nữ như là những bông hoa tươi đẹp, còn khách làng chơi lại tựa như loài ong loài bướm, lá lơi, ngả nghiêng hết vòn đóa hoa này, lại chạm đến bông hoa kia, hết sức tạp nham, lẫn lộn và hoang đường. Trong chốn mua vui ấy người ta chỉ thấy hương rượu nồng quyến với mùi hương phấn dung tục với “cuộc say đầy tháng”, với sự khoái lạc của “trận cười suốt đêm”, nam nữ thâu hoan không kể ngày đêm, ồn ào, náo nhiệt và trụy lạc. Mà người phụ nữ ở chốn phong trần lại trở thành thứ đồ chơi cho kẻ khác mua vui, ai đến ai đi nhiều không kể xiết, vốn là những người xa lạ thế nhưng lại có thể hiện ra những hình ảnh “dập dìu” nam nữ cười đùa, ngả ngớn, đầu sát bên đầu, má áp bên má tựa như lá với gió, cành với chim. Người kỹ nữ ngày đêm tiếp khách cũng chẳng phân biệt sáng tối, ngày hay đêm, khách đến là ai, già hay trẻ, xấu hay đẹp, nhân phẩm, tính cách ra sao, thứ họ trao đổi chỉ là thú vui xác thịt và đồng tiền rỏ rúng, riết rồi chẳng còn nhận ra bản thân mình là ai nữa.

Mà trong đoạn trích để khắc họa hình ảnh khách làng chơi Nguyễn Du đã tinh tế đưa vào hai nhân vật có thật trong lịch sử, một là Tống Ngọc nổi danh với bài Phú Cao Đường kể chuyện mây mưa của nữ thần Vu Sơn với tiên vương nước Sở, ý chỉ chuyện nam nữ hoan lạc. Hai là Trường Khanh tên tự của Tư Mã Tương Như, người gảy một khúc Phụng cầu Hoàng để quyến rũ Trác Văn Quân, một quả phụ nhan sắc tuyệt trần, cũng ý chỉ loại khách phong lưu, giỏi chuyện trăng gió. Như vậy từ những hình ảnh ẩn dụ tinh tế thông qua cách điển tích điển cố, tác giả đã tái hiện một cách tài tình khung cảnh chốn lầu xanh nhuộm màu sắc dục, cuộc sống nhơ nhớp, hỗn loạn và hoang đường của những con người nơi đây. Mà ở đó người phụ nữ trở thành thú vui, thứ đồ chơi tùy cho những kẻ có tiền sử dụng phục vụ cho những sở thích dung tục, tầm thường. Dẫu rằng chốn lầu xanh ngày ngày giăng đèn kết hoa, thế nhưng cuộc đời của người kỹ nữ luôn chìm trong tăm tối, tủi nhục và đầy xót xa cay đắng.

Bằng sự thông cảm lạ lùng, và bằng tài năng kì diệu, Nguyễn Du đã viết nên hai câu thơ hay nhất giữa ngoại cảnh và tâm cảnh, giữa cảnh và tình. Từ một trường hợp cụ thể, thơ Nguyễn Du đã vươn tới tầm phổ quát, trở thành chân lí của mọi thời. Có thể nói hai câu thơ là đỉnh điểm của đoạn trích vì nó lột tả được sâu sắc hơn bao giờ hết nội tâm của nhân vật từ đó lan tỏa sang cảnh vật một cách thật tự nhiên và hợp lí. Nỗi buồn của Thúy Kiều cứ dâng lên, như sóng cồn triền miên không bao giờ dứt, nó cứ khuấy động bên trong sâu thẳm con người Kiều để rồi đến một lúc nào đó, tức nước vỡ bờ, nó dâng lên cuồn cuộn đánh động vào nỗi lòng, cảm xúc của Thúy Kiều, khiến cho mọi vật qua cái nhìn của nàng đều trở nên u buồn, tăm tối, nhuộm màu tang thương.

Thế nhưng dẫu cuộc đời có chà đạp, vùi dập phận liễu yếu đào tơ, thì Kiều vẫn mạnh mẽ kiên cường, giữ vững cho mình cốt cách thanh cao, tinh khiết tựa loài sen trắng trong đầm nước “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Dẫu bốn bề chốn lầu xanh nơi nào cũng “mây Sở mưa Tần” thì nàng cũng chẳng buồn để tâm đến, những thú vui hoan lạc, tầm thường ấy cũng chẳng đánh động được vào tâm hồn vốn đã chết lặng từ lần đầu bước chân vào nơi đây. Với những ai khác cuộc vui thâu đêm suốt sáng là “xuân” còn với nàng những thứ ấy vốn chẳng lọt vào tầm mắt, cũng chẳng thiết tha gì. Gặp cảnh khách làng chơi muốn “gió tựa hoa kè”, muốn gần gũi xác thịt mà lòng nàng như chết lặng, có lẽ bấy nhiêu đắng cay, tủi nhục đã khiến Kiều hoàn toàn buông xuôi, mặc cho cuộc đời trôi nổi giữa chốn phong, hoa, tuyết, nguyệt rực rỡ, thơ mộng nhưng ẩn chứa là sự dung tục, tầm thường này.

Đoạn trích thể hiện khá hoàn chỉnh số phận, tính cách của Thúy Kiều. Với nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật bậc thầy của mình, Nguyễn Du đã cho người đọc thấy được tâm trạng cô đơn tủi nhục của Thúy Kiều, qua đó làm nổi bật giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm- thể

hiện tập trung tư tưởng nhân văn của tác giả: cảm thương trước bi kịch của Kiều, khẳng định nhân cách đẹp đẽ của nàng và khẳng định sự ý thức về nhân phẩm và sự ý thức cá nhân và tổ chức xã hội phong kiến thời xưa đã chà đạp lên phẩm giá con người.

### 3. Em hãy phân tích giá trị nhân đạo trong **Nỗi thương mình** - Bài văn mẫu số 2

Đoạn trích **Nỗi thương mình** là tâm trạng xót xa, ê chề của nàng Kiều khi rơi vào hoàn cảnh éo le đầy nhục nhã tại lầu Ngưng Bích và bắt đầu những ngày tháng trở thành kỹ nữ, chứng kiến cảnh mua vui trụy lạc, mà rớt nước mắt xót thương “Đau đớn thay cho phận đàn bà/Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”.

Với bốn câu đầu của đoạn trích, Nguyễn Du đã miêu tả thật sống động bức tranh sinh hoạt ở chốn lầu xanh như nhớp và thân phận bẽ bàng của người kĩ nữ ở chốn lầu xanh bằng bút pháp ước lệ tượng trưng. Trong chốn lầu xanh ấy Kiều phải tiếp khách mua vui cho “biết bao” người mà nàng không thể nào nhớ được hay là đếm được, bởi lẽ một điều rằng hằng ngày Kiều tiếp khách làng chơi triền miên “suốt đêm, sớm đưa, tối tìm” những từ ngữ ấy đã cho ta thấy được sự nhộn nhịp của chốn lầu xanh, nơi mà Tú Bà ăn nên làm ra và cũng là nơi đầy đọa nàng. Bằng những hình ảnh ẩn dụ : bướm là ong lợi, cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm” và các điển tích điển cố: “lá gió cành chim”, “Tống Ngọc, Trường Khanh” - chỉ chung cho loại khách làng chơi phong lưu Nguyễn Du cho thấy tình cảnh của Thúy Kiều tuy sống trong cảnh lầu xanh tưởng như thanh tao, phong nhã nhưng thực chất đó chỉ là giả tạo, hằng ngày Kiều phải làm công việc như nhuốc, tiếp đủ các loại khách đến mua vui. Điều này cho ta thấy rõ hơn về nỗi bất hạnh và tình cảnh trớ trêu của Thúy Kiều. Nàng ý thức được về nhân phẩm mà nàng trân trọng đang bị chà đạp, ấy vậy mà bất lực không thể làm gì được khiến con người ta đau đớn đến muốn buông xuôi.

Nguyễn Du đã tái hiện cái hoàn cảnh của Thúy Kiều bằng những sự đối lập nghiệt ngã: một bên là nước mắt Thúy Kiều - một bên là những cơn say, trận cười triền miên. Do vậy ở bốn câu thơ đầu, mặc dù chưa được miêu tả trực tiếp, người đọc vẫn thấy Kiều đang bị cuốn đi trong một cơn lốc vô hình, bị buộc vào cảnh hiện thực nghiệt ngã mà nhân vật phải trải qua. Đằng sau những câu thơ ấy là tấm lòng cảm thông, trân trọng mà tác giả dành cho Thúy Kiều. Bút pháp ước lệ giúp Nguyễn Du không tránh né số phận thực tế của Kiều mà vẫn giữ được chân dung cao đẹp của tâm hồn nàng. Bấy giờ, có ai để ý và cảm thông cho người con gái bị đẩy đến chốn lầu xanh tội nghiệp kia.

Nhưng dù xã hội có cố vùi dập nàng xuống lớp bùn hôi tanh, dù tấm thân nàng đã vướng bụi đời, nhưng tâm hồn nàng vẫn thanh khiết, giữ vững cốt cách của loài sen trắng. Kiều thờ ơ với mọi cuộc hoan lạc “mưa Sở mây Tần”, nàng chẳng lấy gì làm vui thú, có gì để vui đây? Khi những khách làng chơi muốn “gió tựa hoa kè”, cho gần gũi thân mật, nhưng thật giả dối và ghê tởm quá. Lòng Kiều như chết lặng, Kiều không phản kháng, cũng không còn muốn phản kháng, bởi đau đớn và tủi đã cướp đi hồn nàng, Kiều chỉ đang tồn tại, tồn tại giữa chốn lầu xanh phồn hoa nhất, cũng thấp kém nhất. Cảnh phong, hoa, tuyết, nguyệt đẹp đẽ có đủ cả, nhưng cũng chẳng thể che lấp đi sự như nhớp, trụy lạc của chốn phong trần phóng túng.

Một cô gái khuê các, tài sắc vẹn toàn, hiền lành đoan trang hết mực. Một cô gái nho gia bây giờ trở thành một cảnh hoa tan tác. Sự biến chuyển nhanh chóng đến mức chính Kiều cũng phải bàng hoàng, sửng sốt. Phép đối lập như một biện pháp nghệ thuật chủ yếu toàn đoạn trích và nhất là trong hai câu này càng tăng thêm giá trị biểu cảm. Nó tạo nên sự so sánh đối lập giữa hai quãng đời, hai thời gian, hai tình cảm. Cặp từ đối lập chỉ thời điểm: “Khi sao / giờ sao” tạo nên cảm giác đột ngột của sự thay đổi trong một khoảng thời gian không mấy cách biệt. Chính vì điều này đã làm vết thương của Kiều nhức nhối, đau đớn như đào sâu thêm vào nỗi xót xa, tê tái của Kiều. Quá khứ hiện về đối lập với thực tại một cách khốc liệt,

Kiều hồi tưởng lại những tháng năm “êm đềm trướng rủ màn che” thì lập tức thực tại phủ phàng lại hiện lên rõ nét hơn gấp bội, từ “phong gấm” diễn tả một sự bình yên, êm đềm trong quá khứ đối lập gay gắt với từ “tan tác” trong câu thơ nói về hiện tại như cái thực trạng phủ phàng bao trùm vùi chôn quá khứ êm đẹp. Phép so sánh “như hoa giữa đường” càng làm nổi bật sự đối lập tuyệt đối giữa quá khứ và thực tại, giữa cá nhân và hoàn cảnh. Cụm từ “bướm chán ong chường” và “dày gió dạn sương” là nét sáng tạo về cách dùng từ của Nguyễn Du, nhấn mạnh có ý so sánh theo mức độ tăng tiến cho ta thấy sự vui dập, chà đạp mà Kiều phải gánh chịu. Các câu hỏi tu từ ở đây được sử dụng nhằm làm rõ hơn sự đau đớn, ê chề của Kiều trước thực tại phủ phàng, tàn nhẫn.

Thúy Kiều là một người con gái được Nguyễn Du xây dựng trở thành hình mẫu lý tưởng của cái đẹp, cái thiện. Khi lâm vào tình cảnh ô nhục mà nàng chưa từng nghĩ đến. Thúy Kiều đã cố vùng vẫy để được giải thoát, nhưng càng vùng vẫy lại càng bế tắc. Nỗi đau “trần thế” đối với một người Mai cốt cách, tuyết tinh thần như Thúy Kiều dường như nhân lên gấp bội: vì hơn ai hết, nàng không bao giờ chấp nhận cuộc sống sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh. Do đó, khi thể hiện tâm trạng Thúy Kiều ở lầu xanh, Nguyễn Du đã dồn hết cảm xúc xót thương vào ngòi bút.

Vận dụng linh hoạt từ ngữ, hình ảnh, điển tích điển cố nghệ thuật đặc sắc, mỗi câu thơ dường như đều thấm nỗi đau của người con gái bất hạnh. Nhưng “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”, biết đau khổ trước thân phận và thực tại, biết ê chề, bế bång vì sự nhờ nhờ, biết thương lấy chính mình và biết khát khao tình yêu, hạnh phúc, khát khao giữ gìn nhân phẩm - đó là bi kịch, là nỗi đau của Kiều nhưng đồng thời cũng là vẻ đẹp đáng quý của nhân vật. Nếu không có những nỗi đau ấy, nhưng bi kịch tinh thần ấy, Kiều đã không phải là một nàng Kiều “sắc sảo mặn mà”, một nàng Kiều là hiện thân cho sự trinh tiết, cho cái đẹp trong sự ngưỡng vọng, trân trọng của Nguyễn Du.

Nỗi thương mình của Thúy Kiều có một ý nghĩa vô cùng sâu sắc xét về sự tự ý thức của con người cá nhân trong lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại. Người phụ nữ xưa được giáo huấn theo tinh thần cam chịu, nhẫn nhục, buông xuôi. Khi con người biết “Giặt mình mình lại thương mình xót xa” thì không còn nhẫn nhục cam chịu nữa mà đã ý thức rất cao về phẩm giá và nhân cách bản thân, ý thức về quyền sống của bản thân.